

## THÁI ĐỘ CỦA CÁC NHÓM PHẠM NHÂN ĐỐI VỚI GIA ĐÌNH, TỰ DO, CÔNG LÝ, TƯƠNG LAI, LAO ĐỘNG, KỶ LUẬT VÀ TIỀN BẠC

CHU VĂN ĐỨC\*

Nghiên cứu được tiến hành trong khoảng thời gian từ tháng 5 đến tháng 8 năm 2002, trên mẫu 170 phạm nhân đang chấp hành án phạt tù tại trại Quyết Tiến (Tuyên Quang) và trại Văn Hoà (Hà Tây), với các phương pháp nghiên cứu chủ yếu là điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn sâu và nghiên cứu hồ sơ phạm nhân. Mục đích của nghiên cứu là tìm hiểu những nét đặc trưng về thái độ đối với các giá trị: tự do, công lý, gia đình, tương lai, tiền bạc, lao động và kỷ luật ở các nhóm phạm nhân theo hoàn cảnh gia đình, tiền án và tiền sự, giai đoạn và kết quả cải tạo. Trong bài viết này, chúng tôi trình bày những kết quả chính thu được từ nghiên cứu ở các nhóm phạm nhân được phân chia theo kết quả cải tạo và tiền án, tiền sự.

### 1. Thái độ của các nhóm phạm nhân theo tiền án, tiền sự

Trong lĩnh vực pháp luật hình sự và tố tụng hình sự, một người được xem là có tiền án khi trước đó người này đã bị xét xử về hình sự, bị kết án bằng một bản án và bản án đó đã có hiệu lực pháp luật; một người được xem là có tiền sự khi trước đó người này đã thực hiện một hành vi nguy hiểm cho xã hội, bị bắt, bị lập biên bản nhưng không bị xử lý về mặt hình sự.

án hình sự, tiền án và tiền sự được xem là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo. Nó là dấu hiệu chứng tỏ bị cáo nguy hiểm hơn cho xã hội, do đó phải chịu trách nhiệm nặng hơn, mức hình phạt cao hơn.

Vậy, tiền án và tiền sự có ảnh hưởng đến thái độ của phạm nhân đối với các giá trị nêu trên hay không, nói cách khác, có ảnh hưởng đến định hướng giá trị, có để lại dấu ấn trong nhân cách phạm nhân hay không? Rõ ràng đây là một vấn đề vừa thú vị vừa có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc.

Biểu đồ 1 phản ánh những sự khác biệt đáng kể (theo ANOVA) về thái độ đối với gia đình, tự do, tương lai, công lý, lao động, tiền bạc và kỷ luật giữa hai nhóm phạm nhân có và không có tiền án, tiền sự.

Từ biểu đồ 1 và từ các số liệu thu được, có thể đưa ra một số nhận xét sau đây:

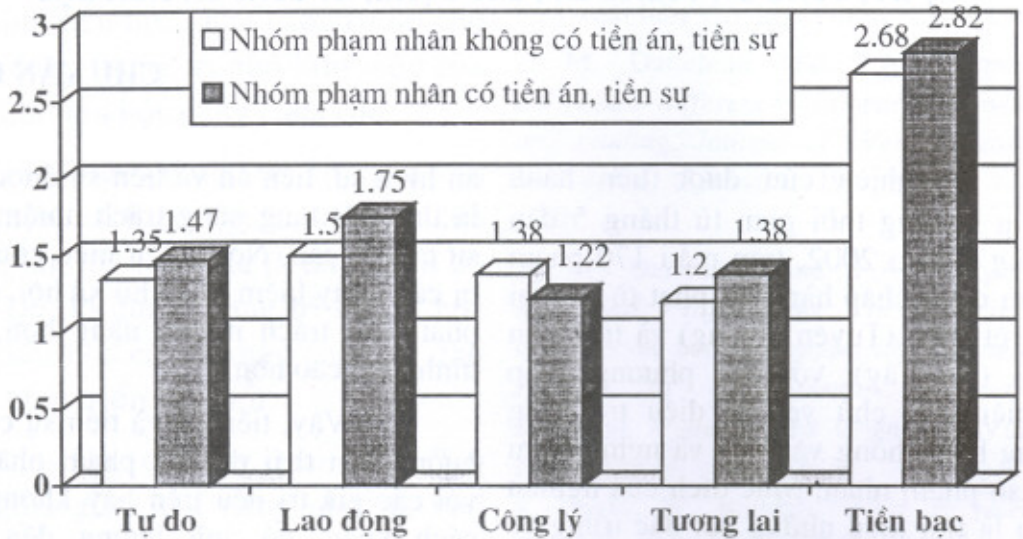
- *Thứ nhất*, điều gây ngạc nhiên là ở thái độ đối với *công lý* và *tiền bạc*. Nhóm phạm nhân đã có tiền án, tiền sự đánh giá cao *công lý* trong khi lại có phần xem nhẹ *tiền bạc* khi so sánh với nhóm chưa có tiền án, tiền sự.

Theo chúng tôi, điều góp phần

Trong thực tiễn xét xử các vụ

\*Th.s, Đại học Luật Hà Nội.

*Biểu đồ 1: Thái độ đối với tự do, lao động, công lý, tương lai và tiền bạc ở hai nhóm phạm nhân có và không có tiền án, tiền sự*



tạo nên sự khác biệt gây ngạc nhiên này là kinh nghiệm ở tù và tâm lý của hai nhóm phạm nhân. “Thâm niên, kinh nghiệm ở tù” của những phạm nhân đã có tiền án, tiền sự giúp họ chấp nhận một thực tế là “đã dấn thân vào hoạt động phạm tội thì sớm hay muộn, ít hay nhiều sẽ bị trừng phạt, bị tù đầy”, nghĩa là họ có cái nhìn thực tế hơn, do đó, ít phản ứng hơn với giá trị *công lý*. Ngược lại, những phạm nhân phạm tội lần đầu (chưa có tiền án, tiền sự) dường như vẫn chưa quen được với những hạn chế, thiếu thốn ở trại giam, tâm lý bị ức chế và phản ứng một cách tiêu cực hơn với *công lý*. Điều này được thể hiện rõ ở số liệu thống kê thu được từ một số câu hỏi về giá trị *công lý*. Chẳng hạn, với nhận định “Nếu có công lý thì tôi đã không phải vào trại” có đến 25/71 (chiếm 35%) phạm nhân chưa có tiền án, tiền sự tỏ thái độ đồng tình, trong khi ở nhóm có

tiền án, tiền sự, con số đó chỉ là 15%. Còn ở giá trị *tiền bạc* thì chính tâm lý muốn chứng tỏ mình là đàn anh, đại ca, hào hiệp, không thèm để ý nhiều đến vấn đề vật chất “tầm thường” đã làm những phạm nhân có tiền án, tiền sự có phần “xem nhẹ” tiền bạc.

- *Thứ hai*, nhóm phạm nhân chưa có tiền án, tiền sự thể hiện thái độ tích cực hơn đối với giá trị *lao động* và *tương lai*. Tuy nhiên, điều đáng nói ở đây là sự mâu thuẫn trong nhận thức, đánh giá của nhóm phạm nhân có tiền án, tiền sự về hai giá trị *lao động* và *tương lai*. Ở giá trị *lao động*, có đến 85% và 81% số phạm nhân có tiền án, tiền sự tán thành nhận định “Lao động tạo ra của cải cho xã hội” và “Lao động là thước đo giá trị con người”, nhưng cũng chỉ có 29% trong số họ phản đối nhận định: “Với tôi, lao động chỉ là cực

hình không hơn không kém”.

Tương tự như vậy ở thái độ đối với *tương lai*, 85% phạm nhân có tiền án, tiền sự thừa nhận “đã có những dự định cho mình sau khi được tự do”, nhưng cũng có đến 62% trong số họ phủ nhận hoặc phân vân trước nhận định “Sau khi được tự do, tôi sẽ sống và làm ăn như một người lương thiện”. Ở đây, chúng tôi xin trích dẫn lời tâm sự của V.T.A - một phạm nhân đã lần thứ hai ở tù vì tội cướp và cố ý gây thương tích: “*Khó lắm cán bộ ạ, em có biết nghề gì đâu mà bảo em sống và làm ăn như người lương thiện. Hơn nữa, em đã hai lần ngồi tù rồi, giờ em có muốn làm người lương thiện thì cũng chẳng ai tin, ngay bố mẹ em cũng không tin*”.

- *Thứ ba*, nhóm phạm nhân chưa có tiền án, tiền sự định hướng mạnh hơn vào giá trị *tự do*. Nói chung, nhận thức của hai nhóm về tự do khác biệt nhiều, nhưng nhóm phạm nhân có tiền án, tiền sự có cái nhìn tiêu cực hơn đối với khả năng sớm được tự do của họ. Có đến 36/71 (chiếm gần 51%) trong số họ đồng ý với nhận định rằng, hy vọng sớm được tự do không phụ thuộc vào họ mà phụ thuộc vào ban giám thị trại và cán bộ quản giáo. Trong khi đó, con số này ở nhóm phạm nhân chưa có tiền án, tiền sự chỉ là 16/99 (chiếm gần 16%).

Như vậy, tiền án và tiền sự có ảnh hưởng đến thái độ của phạm nhân đối với các giá trị *tự do*, *công lý*, *tương lai*, *lao động* và *tiền bạc*. Nhìn chung, những phạm nhân không có tiền án, tiền sự biểu hiện thái độ tích cực hơn đối với các giá trị này khi đặt họ bên cạnh những phạm nhân có tiền án, tiền sự.

## 2. Thái độ của các nhóm phạm nhân theo kết quả cải tạo

Theo kết quả xếp loại cải tạo<sup>(1)</sup>, chúng tôi phân mẫu phạm nhân thành 2 nhóm: nhóm phạm nhân có kết quả cải tạo được xếp loại tốt hoặc khá (sau đây gọi là nhóm tốt - khá) và nhóm có kết quả cải tạo được xếp loại trung bình hoặc kém (sau đây gọi là nhóm trung bình - kém). Phép phân tích phương sai (ANOVA) cho biết có sự khác biệt đáng kể ở hai nhóm phạm nhân về thái độ đối với hầu hết các giá trị được nghiên cứu (biểu đồ 2).

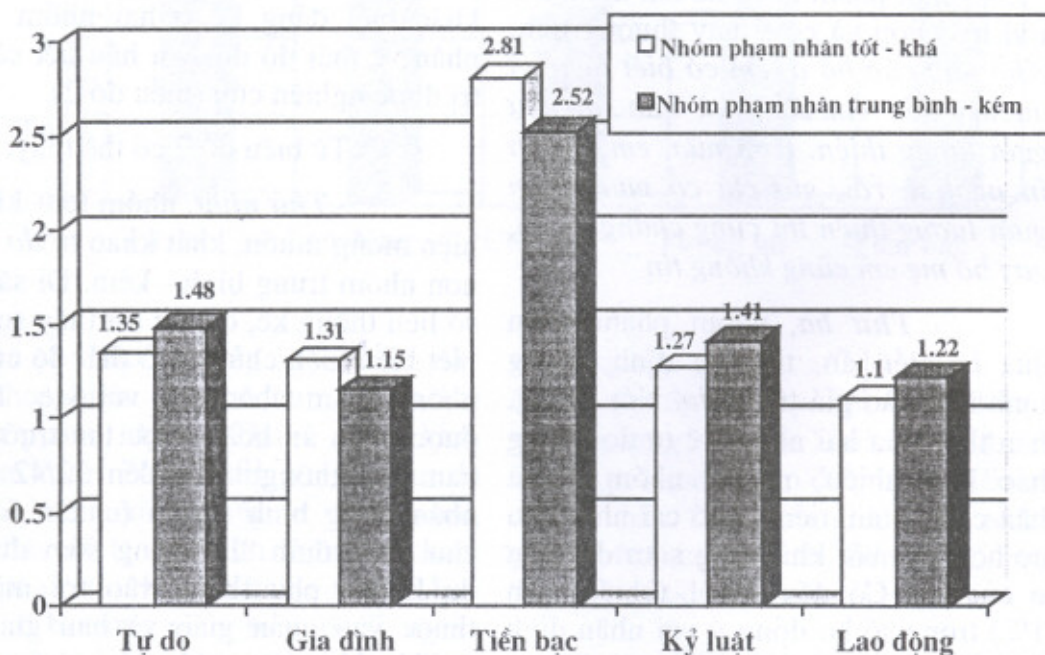
Từ biểu đồ 2 có thể thấy:

- *Thứ nhất*, nhóm tốt - khá thể hiện mong muốn, khát khao *tự do* mạnh hơn nhóm trung bình - kém. Đi sâu vào số liệu thống kê, chúng tôi thấy sự khác biệt biểu hiện chủ yếu ở thái độ của hai nhóm phạm nhân đối với việc họ có được giảm án hoặc được tha trước thời hạn hay không<sup>(2)</sup>. Có đến 32/42 phạm nhân trung bình - kém (chiếm 65,3%) cho nhận định “Hy vọng sớm được tự do không phụ thuộc vào tôi mà phụ thuộc vào quản giáo và ban giám thị trại” là đúng, trong khi đó ở nhóm phạm nhân tốt - khá con số này chỉ là 5/110 (chiếm 4,5%). Theo chúng tôi, rất có thể, thái độ này là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến kết quả cải tạo chưa tốt của nhóm trung bình - kém.

- *Thứ hai*, so với nhóm tốt - khá, nhóm trung bình - kém định hướng mạnh hơn vào *gia đình*. Thoạt trông, điều này có vẻ không hợp lý lắm. Tuy nhiên, khi đi sâu vào số liệu thống kê thì mới vỡ lẽ rằng, không phải vì phạm nhân trung bình - kém đề cao, coi trọng *gia đình* hơn, không phải họ có trách

nhiệm hơn với gia đình, mà là vì họ phụ thuộc và trông chờ nhiều hơn vào gia đình. Điểm trung bình của nhận định “Tôi luôn mong nhận được sự tiếp tế từ gia đình” ở hai nhóm tốt - khá và trung bình - kém lần lượt là 1,41 và 1,25, trị số  $P = 0,016$  cho thấy mức khác biệt là đáng kể. Còn nếu xét tỉ lệ % thì có đến 95% số phạm nhân trung bình - kém thừa nhận “luôn mong được gia đình tiếp tế” trong khi ở nhóm tốt - khá con số đó chỉ là 45%.

*Biểu đồ 2: Thái độ đối với tự do, gia đình, tiền bạc, lao động và kỷ luật ở các nhóm phạm nhân theo kết quả cải tạo*



- *Thứ ba*, nhóm trung bình - kém đề cao giá trị tiền bạc hơn nhóm tốt - khá. Điều này phù hợp với xu hướng coi trọng các giá trị vật chất được chúng tôi phát hiện cũng ở nhóm phạm nhân này nhưng bằng phương pháp nghiên cứu định hướng giá trị của M. Rokeach.

- *Thứ tư*, với các giá trị lao động và kỷ luật, nhóm trung bình - kém thể hiện thái độ tiêu cực hơn nhiều so với nhóm tốt - khá. Số liệu thống kê cho thấy, ở giá trị lao động, 75% số phạm nhân trung bình - kém cho rằng “lao động là cực hình”, 35% thừa nhận “không hoàn thành định mức lao động”; ở giá trị kỷ luật, 98% phạm nhân trung bình - kém đánh giá “kỷ luật ở trại là quá nghiêm khắc” và chỉ có xấp xỉ 10% xem việc “chấp hành tốt kỷ luật ở trại tạo cho họ cơ hội được tha trước thời hạn hoặc được giảm án”.

Như vậy, có thể thấy rằng giữa kết quả cải tạo của phạm nhân và thái độ của họ đối với các giá trị gia đình, công lý, tương lai, lao động, tiền bạc, tự do và kỷ luật có mối liên hệ với nhau. Những phạm nhân có kết quả cải tạo được xếp loại tốt hoặc khá nhận thức đúng đắn hơn, đánh giá tích cực hơn về lao động, tự do, kỷ luật, công lý, gia đình, tiền bạc và tương lai. Ngược lại, ở những phạm nhân có kết quả cải tạo được xếp loại trung bình hoặc kém, nhận thức, đánh giá của họ về các giá trị trên còn có phần lệch lạc và tiêu cực. Nói cách khác, mối liên hệ ở đây là mối liên hệ cùng chiều.

Kết quả nghiên cứu trên cho thấy, giáo dục giá trị có ý nghĩa tích cực đối với công tác giáo dục phạm nhân trở thành người lương thiện. Hơn nữa, nội dung và phương pháp giáo dục cần có sự phân hoá cho phù hợp với từng nhóm phạm nhân, đặc biệt cần chú ý nhiều hơn đến những phạm nhân đã có tiền án, tiền sự, những phạm nhân có kết quả cải tạo trung bình hoặc kém. ♣

### Chú thích

(1) Ở các trại giam, cứ mỗi 6 tháng, dựa vào kết quả xếp loại cải tạo hàng tuần và hàng tháng của hội đồng tự quản phạm nhân và quản giáo, ban giám thị trại tiến hành xếp loại cải tạo chung trong 6 tháng cho mỗi phạm nhân. Chúng tôi dựa vào kết quả này để phân nhóm phạm nhân (T.G).

(2) Trong thời gian qua, hàng năm, Nhà nước xét đặc xá và giảm án cho không ít phạm nhân có nhiều tiến bộ trong cải tạo và điều này trở thành niềm hy vọng của nhiều phạm nhân (T.G).

## TRÍ NHỚ TRONG QUẢNG CÁO...

(Tiếp theo trang 18)

hội, tôn giáo và tín ngưỡng của con người thường được nhớ tốt hơn các sản phẩm, hàng hoá mang màu sắc văn hoá - lịch sử khác lạ. Ví dụ: người Phương Đông thường nhớ các biểu tượng liên quan tới tôn giáo Đạo Phật (Thích Ca, Quan Âm...) và các biểu tượng con rồng, liên quan đến nông nghiệp lúa nước và màu sắc đặc trưng của họ (màu vàng, đỏ). Khi thiết kế lôgô, nhãn hiệu thương mại cần đặc biệt quan tâm tới vấn đề này.

Như vậy, trí nhớ đóng vai trò rất quan trọng trong hành vi tiêu dùng. Việc nghiên cứu trí nhớ, các quy luật của chúng và vận dụng các tri thức về trí nhớ con người trong kinh doanh, quảng cáo là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả của các doanh nghiệp hiện nay. ♣

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. M. Brian & J. Craig, *The Psychology of consumer behavior*, Hillsdale New Jersey, 1990.
2. J.R. Bettman, *Memory factors in Consumer choice*, *Journal of Marketing* 43, 37 - 53, 1980.
3. K.D. Kalpesh & D.H. Wayne, *Descriptive characteristics of memory - based consideration sets: influence of usage occasion frequency and usage location familiarity*. *Journal of consumer research* 27, 309 - 315, 2000.
4. Phạm Minh Hạc (chủ biên), Lê Khanh, Trần Trọng Thủy. *Tâm lý học* (tập 1). NXB Giáo dục, 1988.
5. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), Trần Hữu Luyện, Trần Quốc Thành. *Tâm lý học đại cương*. NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 1998.